| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Võ Đức H, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: 231/1B, khóm Đ, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tạm trú: tổ 13, khóm Đ, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* bà Tô Thị Thu N, sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 231/1B, khóm Đ, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Đức H trình bày:* ông và bà N quen biết, tìm hiểu và và chung sống như vợ chồng từ năm 1992, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn kéo dài, bà N bỏ đi nơi khác, ông và bà N không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm với

bà N, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N.

- Về con chung: có 01 con chung tên Võ Đức Hoàng N, sinh ngày 27/09/1993 đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

*Bị đơn bà Tô Thị Thu N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:*

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức H, không công nhận ông H và bà N là vợ chồng; về con chung: có 01 con chung tên Võ Đức Hoàng N, sinh ngày 27/09/1993 đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Võ Đức H yêu cầu ly hôn với bà Tô Thị Thu N. Bà N có nơi cư trú tại phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Tô Thị Thu N do bà N đã đi khỏi địa phương. Tại đơn khởi kiện ông H đã ghi đúng địa chỉ của bà N theo sổ hộ khẩu đăng ký tại khóm Đ, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang và qua kết quả xác minh xác định được bà Tô Thị Thu N có nơi cư trú cuối cùng tại số 231/1B, khóm Đ, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang, ông H xác định không cung cấp được địa chỉ nào khác. Hiện nay bà N đã bỏ địa phương đi mà không thông báo là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà N xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được, bà N bỏ đi nơi khác, không tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông H, ông H và bà N không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Do ông H và bà N không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận ông Võ Đức H và bà Tô Thị Thu N là vợ chồng.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Võ Đức Hoàng N, sinh ngày 27/09/1993 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của ông H trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: ông H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức H.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông Võ Đức H và bà Tô Thị Thu N là vợ chồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đức H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0000797 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông H đã nộp xong.

Nguyên đơn ông Võ Đức H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Tô Thị Thu N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Diệu Tiên**